

Bản án số: **130/2022/DS-PT**
Ngày: 29 – 8 - 2022
V/v Tranh chấp đòi lại di sản
thừa kế là QSDĐ.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Các Thẩm phán: 1/. Bà Tăng Thị Thúy Nga.

2/. Ông Nguyễn Vĩnh Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dương – Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 23 và 29 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2022/TLPT- DS ngày 03 tháng 6 năm 2022, về việc: “*Tranh chấp đòi lại di sản thừa kế là quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã năm, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 132/2022/QĐ-PT, ngày 21 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị B**, sinh năm 1935. Địa chỉ: khóm V, phường 3, thị xã N, tỉnh ST (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Châu TB, sinh năm 1976. Địa chỉ: đường CM, phường CK, quận N, thành phố C, theo giấy ủy quyền ngày 26/12/2019 (có mặt)

- Bị đơn: Ông **Nguyễn V** (Trần Văn H), sinh năm 1963. Địa chỉ: khóm V, phường 3, thị xã N, tỉnh ST (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Nguyễn V1**, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện T, tỉnh ST, theo giấy ủy quyền ngày 21/01/2020 (có mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Phạm L**, sinh năm 1947. Địa chỉ: đường P, phường T, quận N, thành phố C (có mặt).

2. Bà **Phạm T**, sinh năm 1941. Địa chỉ: khóm V, phường 3, thị xã N, tỉnh ST (có mặt).

3. Bà **Phạm H**, sinh năm 1953. Địa chỉ: đường NT, phường BT, quận BT, thành phố C (có mặt).

4. Bà **Trần TH**, sinh năm 1963 (có mặt)

5. Anh **Trần QT**, sinh năm 1989 (có mặt)

6. Chị **Trần HL**, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khóm V, phường 3, thị xã N, tỉnh ST.

Người kháng cáo: nguyên đơn bà Phạm Thị B.

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện, các **lời** khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Châu TB trình bày: Phần đất tranh chấp có diện tích 850 m², theo số đo thực tế của Tòa án là 1.581,5 m² thuộc thửa 46, tờ bản đồ số 7, tọa lạc: khóm V, phường 3, thị xã N là của cha mẹ nguyên đơn là ông Phạm VD (chết năm 1990) và bà Nguyễn TD (chết năm 1963). Cha mẹ nguyên đơn có tất cả là 04 người con gồm: Phạm Thị B, Phạm Thị T, Phạm H, Phạm L. Còn bị đơn ông Nguyễn V là con riêng vợ sau của cha nguyên đơn, giữa các chị em nguyên đơn với ông V không có quan hệ huyết thống với nhau. Trong thời gian cha của nguyên đơn chung sống với mẹ ông V thì hai người không có con chung và cũng không có tạo lập được tài sản gì. Đến năm 1990 khi cha nguyên đơn chết không để lại di chúc, do lúc đó ông V ở chung nên các chị em nguyên đơn giao cho ông V đứng ra quản lý dùm phần đất này cho đến nay. Khi phát hiện ông V muốn chuyển nhượng phần đất này cho người khác thì các chị em của nguyên đơn đứng ra ngăn cản không đồng ý. Vì nguyên đơn muốn để lại phần đất này thờ cúng cha mẹ, ông bà tổ tiên. Sau khi thỏa thuận không được thì em nguyên đơn là bà Phạm L đã yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết. Cũng từ đây bên nguyên đơn mới phát hiện phần đất này ông Nguyễn V đã được Ủy ban nhân dân huyện T (nay là UBND thị xã N) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 28/3/1994. Ông V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nguyên đơn hoàn toàn không biết và cũng không hiểu nguyên nhân từ đâu ông V được cấp giấy. Thời gian gần đây thì gia đình ông V đã xây dựng hàng rào kiên cố và ngăn cản không cho nguyên đơn cũng như các anh em khác của nguyên đơn vào thăm mộ mà ông bà nên nguyên đơn bà Phạm Thị B yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã N giải quyết buộc bị đơn ông Nguyễn V (Trần

Văn TH) giao trả lại di sản thừa kế là phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 1.581,5 m², thuộc thửa 46, tờ bản đồ số 7, tọa lạc: khóm V, phường 3, thị xã N. Trên phần đất tranh chấp có phần diện tích căn nhà của bị đơn thì nguyên đơn đồng ý ổn định phần đất này cho bị đơn quản lý, sử dụng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn V trình bày: Ông Nguyễn V tên đúng là Trần Văn UT, không phải là Nguyễn V như đơn khởi kiện của nguyên đơn. Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của cha mẹ bị đơn chết để lại cho bị đơn. Do bị đơn sinh sống chung với cha mẹ trên phần đất này từ nhỏ nên sau khi cha mẹ mất bị đơn đã đăng ký và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bị đơn cũng được cơ quan có thẩm quyền cho phép xây dựng công trình kiên cố là nhà ở và trồng cây lâu năm trên đất. Đồng thời, bị đơn cũng ở trên phần đất này trên 30 năm mà không có tranh chấp gì. Diện tích phần đất lớn hơn so với diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do trong quá trình sinh sống trên phần đất này bị đơn khai phá và bồi đắp thêm. Hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị đơn đang quản lý không có thể chấp hay cầm cố cho ai. Do bị đơn xây nhà ở trên phần đất nên có xây dựng hàng rào để bảo vệ tài sản, bị đơn không có ngăn cản nguyên đơn cũng như các anh chị em khác vào thăm mồ mã ông bà. Do phần đất này bị đơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sống trên 30 năm không tranh chấp nên đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi lại phần đất tranh chấp thì bị đơn không đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm L trình bày: Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của đại diện theo ủy quyền nguyên đơn, không có ý kiến gì trình bày thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần H, anh Trần QT, chị Trần HL trình bày: Thống nhất với lời trình bày của đại diện theo ủy quyền bị đơn, không có ý kiến gì trình bày thêm.

Sự việc được Tòa án nhân dân thị xã N thụ lý, giải quyết và Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS-ST ngày 04/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện thị xã N đã tuyên xử như sau:

Căn cứ vào khoản 5, khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 165, khoản 2 Điều 92, khoản 2, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 612, điểm d khoản 2 Điều 617 của Bộ luật dân sự; Điều 166, Điều 203 của Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị B về việc buộc bị đơn ông Nguyễn V (Trần Văn UH) trả lại di sản thừa kế là phần đất

tranh chấp có tổng diện tích 1.581,5 m², thuộc thửa 86, tờ bản đồ số 7, tọa lạc: khóm V, phường 3, thị xã N, tỉnh ST. Phần đất có tứ cạnh như sau:

- Phần đất thứ nhất giáp kênh sáng Phụng Hiệp (diện tích 370,7m²) có số đo tứ cạnh: Hướng Đông giáp phần đất ông Huỳnh Văn S có số đo: 16,81m; Hướng Tây giáp phần đất ông Lâm VB có số đo: 15,53m; Hướng Nam giáp lộ nhựa có số đo: 23,47m; Hướng Bắc giáp kênh sáng Phụng Hiệp có số đo: 22,64m

- Phần đất thứ hai phía trên lộ nhựa (diện tích 1.210,8m²) có số đo tứ cạnh: Hướng Đông giáp phần đất ông Huỳnh Văn S có số đo: 53,33m; Hướng Tây giáp phần đất ông Lâm VB có số đo: 51,1m; Hướng Nam giáp phần đất ông Huỳnh Văn S và ông Lâm VB có số đo: 22,77m; Hướng Bắc lộ nhựa có số đo: 23,95m.

(Có sơ đồ kèm theo)

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 15/4/2022 bà Phạm Thị B kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng sửa bản án sơ thẩm chấp nhận kháng cáo của bà cho bà được nhận lại phần đất của ông bà đang yên nghỉ để bà tiện bề chăm sóc.

Ngày 29/4/2022 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với bản án số 21/2022/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã năm, tỉnh Sóc Trăng đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm theo hướng áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thụ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến của mình và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị và phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 của BLTTDS năm 2015 hủy bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã năm, tỉnh Sóc Trăng và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về người kháng cáo: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 275 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: tại phiên tòa hôm nay bị đơn Nguyễn V (Trần Văn UT) vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp tham gia; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần HL vắng lần thứ hai không lý do. Xét thấy, việc vắng mặt những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại di sản thừa kế là phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 1.581,5 m², thuộc thửa 46, tờ bản đồ số 7, tọa lạc khóm V, phường 3, thị xã N, tỉnh ST có nguồn gốc là của cha mẹ của nguyên đơn chết để lại. Bị đơn cũng thừa nhận nguồn gốc phần đất này khi bị đơn và mẹ ruột là bà Nguyễn TB về cùng sống với cha nguyên đơn là ông Phạm VĐ thì đã có phần đất này và khi về sống chung thì cùng canh tác. Khi ông VĐ (cha nguyên đơn) và mẹ bị đơn chết thì để lại phần đất này cho bị đơn canh tác không ai tranh chấp. Xét thấy, nguồn gốc đất các đương sự điều thừa nhận là của cha mẹ chết để lại nên đây là sự thật không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Các đương sự điều thừa nhận phần đất trên là của cha mẹ của nguyên đơn là ông Phạm VĐ (chết năm 1990) và bà Nguyễn TD (chết năm 1963). Sau khi bà Dương mất năm 1963 thì ông Đại tái giá với mẹ bị đơn là bà Nguyễn TB và bị đơn cũng về chung sống cùng nhà với ông VĐ, bà TB. Năm 1985 bà Nguyễn TB mất và năm 1990 ông Phạm VĐ cũng qua đời. Do ông V ở cùng ông VĐ trên phần đất này, khi ông VĐ mất thì ông cũng tiếp tục canh tác đến năm 1994 ông V đã đăng ký quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ căn cứ trên có cơ sở xác định phần đất trên là di sản thừa kế.

[5] Bị đơn cho rằng phần đất này đã được ông VĐ cho và bị đơn đã sử dụng công khai liên tục trên 30 năm không ai tranh chấp, xây dựng công trình kiến trúc cũng như trồng cây lâu năm không ai ngăn cản và cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, nguyên đơn không đồng ý theo trình bày của bị đơn và phía bị đơn không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh phần này ông VĐ đã tặng cho hay di chúc lại cho bị đơn nên phần đất này vẫn thuộc di sản thừa kế của cha, mẹ của các ông bà để lại chứ không phải tài sản riêng của ông Nguyễn V. Mặt khác, ông Phạm VĐ mất vào ngày 11/11/1990 và thời điểm này pháp lệnh thừa kế ngày 10/9/1990 đang có hiệu lực. Ông Nguyễn

V đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 25/3/1994 không thông qua những người thuộc hàng thừa kế theo pháp luật của ông VĐ, hồ sơ đăng ký lại ghi nguồn gốc đất là “đất cũ” (BL30). Theo quy định tại Điều 623 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu thừa kế là “30 năm đối với bất động sản” nên đến thời điểm nguyên đơn khởi kiện thì thời hiệu thừa kế vẫn còn nên quyền sử dụng đất trên vẫn còn là di sản theo quy định tại Điều 612 của bộ luật dân sự. Cấp sơ thẩm cho rằng ông V sống trên phần đất này từ nhỏ, đã cất nhà kiên cố, trồng cây lâu năm và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên phần đất thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của bị đơn không còn là di sản của người chết để lại kể từ khi bị đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 612 của Bộ luật dân sự là không có căn cứ, chưa phù hợp với quy định pháp luật.

[6] Mặc khác, Do nguyên đơn khởi kiện yêu đòi lại di sản thừa kế thì cũng cần xác định nguyên đơn có quyền đòi hay không và quyền của nguyên đơn là bao nhiêu trong khối di sản này nên cũng cần thiết phải làm rõ hàng và diện thừa kế của người chết để lại di sản gồm những ai.

[7] Do việc xem xét yêu cầu của nguyên đơn phải xem xét đến tính hợp pháp của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thị xã N) cấp cho ông Nguyễn V vào ngày 25/3/1994, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cấp lần đầu không qua hợp đồng dân sự là trường hợp có xem xét hủy quyết định cá biệt và để giải quyết yêu cầu này của nguyên đơn xác định phần đất trên có phải là di sản hay không thì phải xem xét về tính hợp pháp của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Nguyễn V (Trần Văn UH) theo quy định tại khoản 4 Điều 34 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khi xem xét vấn đề này cần phải đưa Ủy ban nhân dân huyện vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và trong trường hợp này thì thẩm quyền giải quyết vụ án được xác định theo khoản 4 Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính hành chính. Trong trường hợp này cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết không đánh giá toàn diện vụ án mà chỉ đánh một hướng làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của các đương sự và Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

[5] Từ phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Do án sơ thẩm bị hủy nên Hội đồng xét xử không xem xét kháng cáo của nguyên đơn Phạm Thị B về việc yêu cầu xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Các yêu cầu của các đương sự sẽ được Tòa án có thẩm quyền thụ lý, xem xét lại quy định pháp luật.

[6] Về chi phí thẩm định, định giá tài sản và án phí giải quyết sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

[7] Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm. Do các đương sự thuộc diện miễn án phí do là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên không có tạm ứng án phí phúc thẩm nên không có xử lý trả lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310; khoản 3 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý giải quyết lại theo quy định pháp luật.

2. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản; án phí dân sự sơ thẩm được xác định khi giải quyết lại vụ án.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV;
- Lưu: HSVA - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tôn Thị Thanh Thúy